

# Chuỗi giá trị toàn cầu - Cơ hội và thách thức cho sự phát triển

ThS. ĐINH THỊ THANH LONG

Học viện Ngân hàng

*Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và chuyên chở hàng hóa quốc tế, đã góp phần tạo nên một đặc tính mới của thương mại quốc tế, chuỗi giá trị toàn cầu (GVCs), trong đó có sự tham gia mạnh mẽ của nhóm nước đang phát triển, nhóm nước có nền kinh tế mới nổi, và các nước phát triển vào phân công lao động quốc tế. Bài viết này sẽ tập trung nghiên cứu các vấn đề: (i) Tổng quan về bản chất, quy mô của chuỗi giá trị toàn cầu; (ii) phân tích các cơ hội mang tính đột phá cho các nước kém phát triển và các nước có nền kinh tế mới nổi tham gia vào nền kinh tế thế giới với sự hiện diện của các quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu, mặc dù ở các mức độ khác nhau; (iii) cuối cùng, bài viết cũng xem xét một số trở ngại đối với các nước cũng như phản ứng chính sách được thiết lập trong mối quan hệ với chuỗi giá trị toàn cầu.*

Từ khóa: *Chuỗi giá trị toàn cầu, rủi ro, cơ hội, phản ứng chính sách.*

## 1. Các quan điểm về chuỗi giá trị toàn cầu

Chuỗi giá trị được coi là đặc tính của thương mại quốc tế ngày nay. Hiểu một cách đơn giản, chuỗi giá trị là chuỗi hoạt động mà một công ty hoạt động trong một ngành cụ thể, hoạt động nhằm mục đích cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ. Chuỗi giá trị của ngành (hay còn gọi là chuỗi cung ứng) được thực hiện theo hệ thống mạng lưới các công ty, gồm các quá trình liên quan tới hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ.

Hiện có nhiều quan điểm về chuỗi giá trị toàn cầu. Những nghiên cứu đầu tiên từ năm 2000 đặt nền móng cho khái niệm chuỗi giá trị toàn cầu thường chú trọng tới “giá trị gia tăng trong thương mại”, thuật ngữ được ra đời cùng với hiện tượng chuyên môn hóa theo chiều dọc. “Giá trị gia tăng trong thương mại được hiểu là giá trị hàng hóa trung gian nhập khẩu có trong giá trị hàng hóa xuất khẩu của quốc gia” (Hummels et al, 2001), hay hàm lượng nhập khẩu có trong xuất khẩu. Những nghiên cứu thực nghiệm của Daudin et al. (2006-2009), Escaith (2008), và Koopman et al. (2010) kiểm định quan điểm trên đều



tuan thủ theo mô hình bảng I- O (Input- Output framework). Song mô hình bảng I- O chỉ đo lường theo giá trị gia tăng trong thương mại, thể hiện một phần của chuỗi giá trị toàn cầu, bởi nó bỏ qua các bước sản xuất tối đa hóa hàm lượng ngoại nhập.

Johnson and Noguera (2012) tiếp cận theo hướng “giá trị gia tăng xuất khẩu, là giá trị gia tăng được sản xuất trong nước và được đối tác bạn hàng chấp nhận”. Johnson sử dụng chỉ số giá trị gia tăng trên tổng kim ngạch xuất khẩu (còn gọi là VAX), nhấn mạnh vai trò sản xuất liên ngành đóng góp vào giá trị xuất khẩu.

Nhóm quan điểm thứ hai bổ sung thêm lý thuyết về chuỗi giá trị toàn cầu. Koopman et al. (2010) vẫn tuân thủ lý thuyết nền tảng về chuỗi giá trị toàn cầu phải bao gồm hàm lượng nhập khẩu có trong xuất khẩu (giá trị quá khứ- backward participation), nhưng bổ sung thêm phần giá trị gia tăng nội địa (domestic value added), chính là phần đầu vào trung gian được sử dụng ở quốc gia thứ ba để xuất khẩu tiếp (giá trị tương lai-forward participation).

Quan điểm của Koopman hoàn toàn thống nhất với định nghĩa về chuỗi giá trị toàn cầu của OECD (2013): “Chuỗi giá trị toàn cầu là toàn bộ quá trình sản xuất hàng hóa, từ nguyên liệu thô cho tới thành phẩm, được thực hiện ở bất cứ nơi nào mà kỹ năng và nguyên liệu cần thiết để sản xuất đều có sẵn tại mức giá cả cạnh tranh cũng như đảm bảo chất lượng thành phẩm”. Định nghĩa của OECD còn chú trọng tới thương mại dịch vụ, được coi là nhân tố cốt yếu để đảm bảo chức năng hiệu quả trong chuỗi giá trị toàn cầu. Thương mại dịch vụ không những liên quan giữa các quốc gia, mà còn giúp các công ty gia tăng giá trị sản phẩm. Sáng kiến chung giữa OECD- WTO

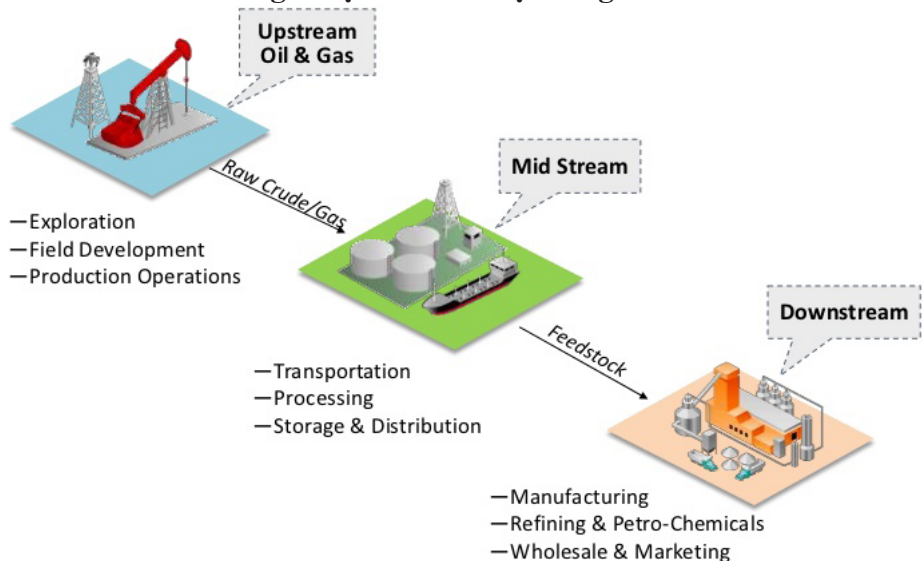
(TiVA) tập trung nghiên cứu giá trị gia tăng thương mại và dịch vụ của từng quốc gia được tiêu dùng khắp thế giới. TiVA còn được sử dụng như là thông tin đầu vào cho các nhà hoạch định chính sách xem xét chính sách thương mại của chính quốc gia mình.

Cũng có khái niệm nữa liên quan tới chuỗi giá trị toàn cầu trong mối liên hệ giữa công ty, ngành sản xuất, quốc gia, là kết quả của quá trình phân tán sản xuất (Coe and Hass, 2007). Chuỗi giá trị toàn cầu được hiểu là trình tự của hoạt động sản xuất, tạo ra sản phẩm cuối cùng cho người sử dụng cuối cùng, trong đó hoạt động sản xuất gắn chặt với mối quan hệ giữa các công ty. Khái niệm tập trung vào mối quan hệ giữa nhà cung ứng trong nước- nước ngoài, công ty mẹ- chi nhánh nước ngoài, hoạt động thuê ngoài (outsourcing).

Cuối cùng, chuỗi cung ứng thương mại hay chuỗi giá trị toàn cầu thương mại (GVCs trade) là dòng hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, đào tạo và chuyển giao (know- how) được chuyển giao giữa các quốc gia, trong đó, lao động gắn liền với chuỗi giá trị toàn cầu (Baldwin and Lopez-Gonzalez, 2013).

Trong nội dung bài viết này, tác giả sẽ tiếp cận chuỗi giá trị toàn cầu theo khái niệm của OECD (2013a), UNCTAD (2013a), OECD- WTO, với chuỗi giá trị toàn cầu được hiểu là chuỗi cung ứng thương mại. Sơ đồ 1 về sản xuất dầu thô và khí

Sơ đồ 1. Chuỗi giá trị toàn cầu mặt hàng dầu thô và khí đốt



Nguồn: [www.google.com](http://www.google.com)



đốt là minh chứng đơn giản cho chuỗi giá trị toàn cầu. Sơ đồ 1 được bắt đầu từ quá trình khai thác dầu thô và khí đốt (Upstream oil and gas), được vận chuyển tới địa điểm trung gian (Mid stream), ở đó dầu thô và khí đốt được chế biến. Sau đó, sản phẩm chế biến trung gian được đưa tới các nhà máy sản xuất, lọc dầu, chiết xuất sản phẩm hóa dầu rồi phân phối bán buôn hoặc bán lẻ. Giai đoạn đầu

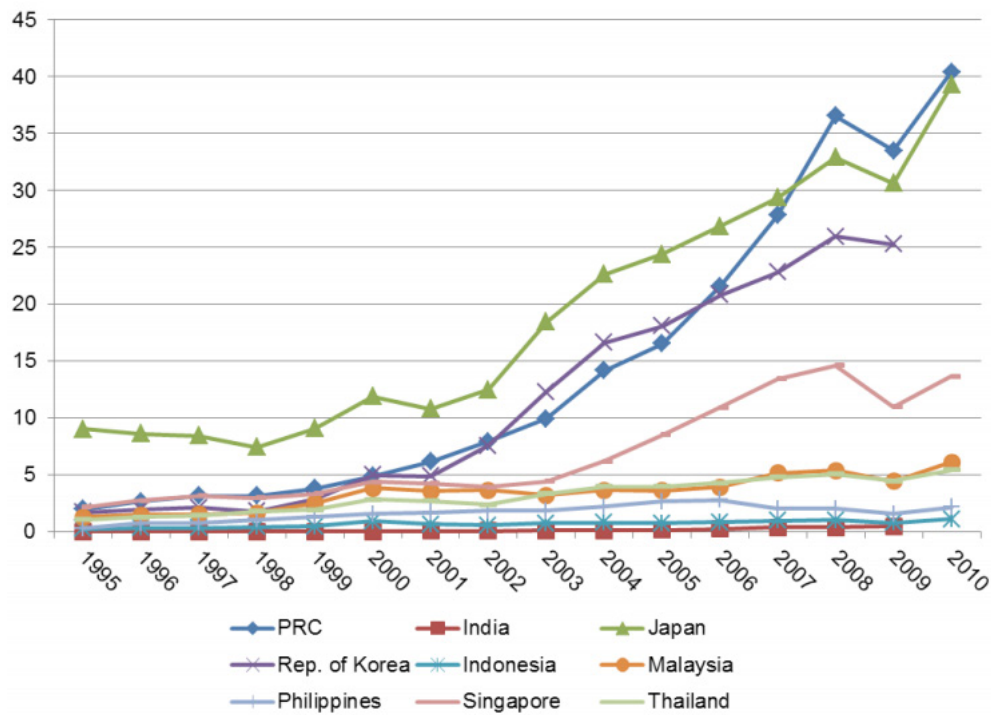
chưa có sự gia tăng về giá trị hàng hóa, sản phẩm khai thác mới chỉ ở dạng nguyên liệu thô. Giá trị hàng hóa được gia tăng bắt đầu từ giai đoạn trung gian, với sự tham gia của cả quá trình sản xuất, chế biến, dịch vụ (như vận chuyển, phân phối, lưu kho, marketing...). Cũng cần lưu ý là ba giai đoạn trên không nhất thiết phải diễn ra ở một nước, nó có thể diễn ra trên quy mô toàn cầu, dựa vào lợi thế của từng vùng, miền liên quan tới chi phí sản xuất và địa điểm sản xuất.

## 2. Chuỗi giá trị toàn cầu- cơ hội cho sự phát triển

Chuỗi giá trị toàn cầu đã có tác động mạnh mẽ tới phân công lao động quốc tế, giúp thay đổi cấu trúc kinh tế ở cả nhóm nước đang phát triển và nhóm nước có nền kinh tế mới nổi cả về tốc độ và quy mô hợp tác kinh tế. Quá trình phân tán sản xuất diễn ra trên hai phương diện: (i) Phân tán sản xuất theo vị trí địa lý, cụ thể là theo quy mô từng vùng, miền trên thế giới; (ii) việc phân tán gắn với hình thành các trung tâm công nghiệp (agglomerate).

Đối với nhóm nước đang phát triển, đang ở giai đoạn đầu thực hiện công nghiệp hóa, chuỗi

**Đồ thị 1. Giá trị xuất khẩu máy móc thiết bị ở một số nước Đông Á (US\$ billion)**



Source: Calculated from UN Comtrade Statistics

giá trị toàn cầu giúp tận dụng được lợi thế thương mại, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, làm thay đổi chiến lược phát triển kinh tế và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước.

John và Kierzkowski (1990) đặt lý thuyết về phân chia lẻ công đoạn sản xuất trong một quá trình sản xuất ở các nước khác nhau để giảm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Việc chia nhỏ công đoạn sản xuất được dựa trên cơ sở lợi thế thương mại của từng vùng, miền, quốc gia liên quan tới các yếu tố sản xuất (lao động, vốn, công nghệ, tài nguyên thiên nhiên...) và giai đoạn phát triển của từng quốc gia. Lợi thế nổi bật của các nước đang phát triển là nguồn nhân lực giá rẻ với lực lượng lao động thuộc nhóm dân số vàng. Điều này cho phép các quốc gia thực hiện công nghiệp hóa ở giai đoạn đầu<sup>1</sup> theo hướng tham gia vào mạng lưới sản xuất quốc tế từ những sản phẩm có hàm lượng lao động lớn

<sup>1</sup> Một số nước Đông Á thực sự tận dụng được cơ hội tham gia vào mạng lưới sản xuất quốc tế để thực hiện công nghiệp hóa như: Singapore, Malaysia, Thailand, Philippine những năm 1980- 1990; Indonesia, Vietnam, India từ giữa những năm 1990 và 2000; Lao, Campuchia, Myanmar từ giữa những năm 2000.



**Đồ thị 2. Chi phí cho nghiên cứu và phát triển ở một số quốc gia**

Đơn vị: %/GDP



Nguồn: World Bank

như dệt may, chế biến thực phẩm, công nghiệp nhẹ, sản xuất linh kiện máy móc... Bên cạnh đó, việc tham gia vào phân công lao động quốc tế và mạng lưới sản xuất cũng giúp các nước thay đổi cơ cấu kinh tế, thể hiện tỷ trọng máy móc được sử dụng trong sản xuất tăng lên. Thay đổi cơ cấu kinh tế còn được hiểu là bước nhảy vọt, từ việc tham gia vào quá trình sản xuất giản đơn giữa các quốc gia, chuyển sang quá trình sản xuất phức tạp hơn, kết hợp các giao dịch giữa trong và ngoài ngành giữa các nước.

Với các nước khu vực Đông Á, trình độ phát triển kinh tế tương đối khác nhau sẽ là một lợi thế. Nó cho phép bất kỳ nước nào cũng có khả năng đảm nhận một công đoạn trong mạng lưới sản xuất và có khả năng kết hợp mở rộng sang các ngành khác. Thực tế chứng minh rằng, mạng lưới sản xuất ở các nước Đông Á đã đạt tới giai đoạn phát triển cao hơn so với các khu vực khác trên thế giới như các nước Mỹ La tinh, Đông Âu, bởi các nước Đông Á đồng thời tham gia phân công lao động quốc tế và hình thành các trung tâm công nghiệp (agglomerate) (WTO 2013, p.362).

*Đối với nhóm nước phát triển trung bình có nền kinh tế mới nổi:* Chuỗi giá trị toàn cầu đòi hỏi phát triển các giao dịch trong và ngoài ngành, là bước tích lũy ban đầu cho sự ra đời của các trung tâm công nghiệp ở các nước có trình độ

phát triển cao hơn. Những lợi thế hiển nhiên mà trung tâm công nghiệp mang lại cho các nước là: *Thứ nhất*, khi các trung tâm công nghiệp được hình thành, cấu trúc công nghiệp của các nước trở nên tương đối ổn định trong một chừng mực nào đó. Các ngành, nghề sản xuất sẽ tuân thủ theo quy luật tự nhiên và thị trường, hướng tới các vùng, miền có lợi thế về sản xuất như vùng có nguồn nhân công giá rẻ. Khi ngành, nghề sản xuất ban đầu được hình thành (gọi là lõi của trung tâm công nghiệp), bản thân nó cũng sẽ trở thành một lợi thế, kéo theo các ngành công nghiệp khác bổ trợ. Từ đó, quốc gia có thể thay đổi cấu trúc công nghiệp theo hướng bền vững và tăng khả năng cạnh tranh. *Thứ hai*, các doanh nghiệp địa phương có cơ hội tham gia vào mạng lưới sản xuất dưới sự điều hành của các công ty đa quốc gia. Mặc dù các doanh nghiệp địa phương phải đối mặt với những vấn đề cạnh tranh phi giá như chất lượng sản phẩm không đồng nhất, giao hàng không đúng hạn, yếu tố tin tưởng trong kinh doanh chưa được thiết lập... và việc có được tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu hay không hoàn toàn phụ thuộc vào chiến lược phát triển của công ty đa quốc gia, nhưng khi các công ty nội địa đạt được ngưỡng cạnh tranh nhất định thì các công ty đa quốc gia chính là cánh cửa mở ra cho công ty nội địa bước vào mạng lưới sản xuất toàn cầu. *Thứ ba*, khi trung tâm



**Bảng 1. Các chính sách cần được thiết lập nhằm giảm thiểu chi phí phát sinh khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu**

Loại hình	Giảm thiểu chi phí thành lập	Giảm thiểu chi phí dịch vụ có liên quan	Giảm thiểu chi phí sản xuất
Phân tán theo vị trí địa lý	Các biện pháp hỗ trợ, xúc tiến đầu tư	- Các biện pháp cải tổ thể chế: cắt giảm thuế quan, hỗ trợ xuất khẩu... - Các biện pháp hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực logistics: phát triển cơ sở hạ tầng về công nghệ, thông tin...	- Thực hiện tự do hóa các dịch vụ hỗ trợ sản xuất. - Thực hiện tự do hóa đầu tư. - Cải thiện dịch vụ liên quan tới cơ sở hạ tầng như cung cấp điện và cho các khu chế xuất.
Phân tán gắn với hình thành trung tâm công nghiệp	Các biện pháp hỗ trợ kết nối kinh doanh giữa doanh nghiệp trong nước với các công ty đa quốc gia	- Giảm chi phí giao dịch đối với hoạt động kinh tế. - Thực hiện cải cách các định chế kinh tế, hệ thống luật pháp theo hướng nhất thể hóa với các quy định quốc tế.	- Cho phép hình thành các trung tâm thông qua sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. - Thúc đẩy nghiên cứu và phát triển.

Nguồn: Fukunari Kimura, 2013

công nghiệp được hình thành, mối quan hệ giữa công ty trong nước và các công ty đa quốc gia càng chặt chẽ hơn thông qua kênh chuyên giao và tiếp cận công nghệ. Một khi công ty nội địa tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, việc chuyển giao kiến thức về công nghệ, kỹ năng quản lý, cách thức tiếp cận thị trường, nghiên cứu và phát triển... sẽ là điều tất yếu.

Quy mô của trung tâm công nghiệp và các điều kiện hỗ trợ cũng là nhân tố tác động mạnh tới sự tham gia của chuỗi giá trị toàn cầu. Vấn đề đặt ra không đơn giản chỉ là giao thông, cơ sở hạ tầng và tiện ích, mà thay vào đó là sự phát triển của các thành phố vệ tinh (metropolitan) hỗ trợ cho các trung tâm công nghiệp. Ví dụ xung quanh Bangkok, có 40 khu công nghiệp xây dựng trong đường kính 100 km, với các dịch vụ hỗ trợ trong khoảng 2- 2,5 giờ lái xe. Hệ thống được vận động kèm theo hệ thống đường cao tốc, cảng container với quy mô lớn trong khu vực. Jakarta và Manila có đủ điều kiện về dân cư song lại không đáp ứng được yêu cầu về cơ sở hạ tầng cho việc hình thành trung tâm công nghiệp. Giá đất tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là trở ngại lớn nhất cho hai thành phố này chuyển đổi lên đô thị hóa (WTO 2013, p. 374).

### 3. Chuỗi giá trị toàn cầu- những vấn đề đặt ra trong hoạch định chính sách

*Thứ nhất*, chuỗi giá trị toàn cầu yêu cầu các nước thực hiện cải tổ, chủ động tham gia phân công lao động quốc tế. Như phân tích ở trên,

chuỗi giá trị toàn cầu giúp các nước đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa và hình thành các trung tâm công nghiệp. Nhưng cũng phải nhấn mạnh là, không phải nước nào cũng tự động được phép tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Một số điều kiện cũng được đặt ra với các nước nhận đầu tư như cơ sở hạ tầng, dịch vụ, quy hoạch vùng miền phát triển sản xuất, chuỗi cung ứng (logistics)... và thay đổi cả về kiến trúc thượng tầng để đảm bảo mạng lưới sản xuất được thông suốt. Chính các nước nhận đầu tư tham gia chuỗi giá trị toàn cầu cũng phải nhận thấy cơ hội và thách thức cho sự phát triển, đặc biệt là vấn đề cạnh tranh để có chỗ đứng trong chuỗi giá trị. Một loạt các chính sách cần được thiết lập theo hướng tối ưu lợi thế và giảm thiểu chi phí (Bảng 1).

Thực tế đã chứng minh rằng, sự tham gia của các quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu đã gắn liền với việc cắt giảm các biện pháp bảo hộ. Chính phủ các nước tích cực tham gia đàm phán và cắt giảm thuế quan mạnh mẽ trong những năm gần đây, đặc biệt là nước đang phát triển. Thuế quan giảm đối với hàng hóa trung gian sẽ trở thành nhân tố hấp dẫn đầu tư từ các công ty đa quốc gia, giúp phân bổ lại nguồn lực và tìm kiếm vị trí của mỗi quốc gia trong chuỗi giá trị. Hiện nay, Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) đang được coi là bước tiến mới mở ra môi trường kinh doanh quốc tế thuận lợi cho mạng lưới sản xuất, đặc biệt là thông qua mức cắt giảm thuế quan, hỗ trợ



dịch vụ, đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ. Việc phát triển cơ sở hạ tầng, cải thiện doanh nghiệp vừa và nhỏ là nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu của các nước tham gia TPP.

*Thứ hai*, sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu khiến các quốc gia dễ bị tổn thương thông qua kênh dẫn truyền các cú sốc vĩ mô. Khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, các quốc gia hoạt động trong một khối liên kết kinh tế, dịch vụ chặt chẽ. Do vậy, chỉ cần bất ổn vĩ mô xảy ra ở nơi nào đó trên thế giới, ngay lập tức sẽ ảnh hưởng tới cả hệ thống. Khủng hoảng tài chính bắt đầu năm 2008, khủng hoảng nợ công châu Âu 2009, sóng thần xảy ra ở Nhật, quan hệ Nga- Mỹ- Châu Âu căng thẳng do vấn đề Ucraina... đều dẫn tới khủng hoảng cung hàng hóa và ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động trong chuỗi giá trị toàn cầu. Không giống với khủng hoảng tài chính<sup>2</sup>, cơ chế dẫn truyền bất ổn vĩ mô tới khu vực sản xuất diễn ra nhẹ nhàng hơn do không chịu rủi ro lây nhiễm, do đó, khu vực kinh tế có thể tự mình giảm thiểu rủi ro và vẫn có khả năng vận hành tốt. Nhưng trên thực tế, không phải là các nước không có chính sách bảo hộ thương mại, chính sách chống suy thoái chu kỳ... trong thời kỳ khủng hoảng. Vô tình các chính sách này tạo ra sự phân biệt đối xử với doanh nghiệp trong nước. Ví dụ, một doanh nghiệp nội địa nếu tham gia GVCs nhập khẩu hàng hóa trung gian sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan. Trong khi cũng một doanh nghiệp nội địa thực hiện hoạt động sản xuất hàng hóa lắp ghép giai đoạn cuối quá trình thuê ngoài (offshore), không tham gia GVCs, nhập khẩu trở lại trong nước, thì sẽ phải chịu thuế nhập khẩu. Rõ ràng là, thuế quan áp dụng cho hoạt động thuê ngoài vận hành như một cơ chế chống bán phá giá, gây khó khăn cho doanh nghiệp không tham gia GVCs.

*Thứ ba*, khó khăn khi đo lường chuỗi giá trị toàn cầu và thâm hụt thương mại. Cho đến nay, trở ngại lớn nhất khi tính chuỗi giá trị toàn cầu là phương pháp tiếp cận. Các nước trên thế giới đều công bố dữ liệu thương mại quốc tế bằng

tính gộp giá trị hàng hóa và dịch vụ (giá trị cuối cùng) của quốc gia đó với phần còn lại của thế giới. Song phương pháp đo lường chuỗi giá trị toàn cầu dựa trên cơ sở giá trị gia tăng, hoàn toàn chưa có hướng dẫn cụ thể dữ liệu công bố. Các nước không thể sử dụng dữ liệu thống kê được công bố để tính chuỗi giá trị gia tăng, cho dù dữ liệu công bố có thể có thông tin liên quan tới hàm lượng nội địa hoặc nhập khẩu trong tổng kim ngạch xuất khẩu, nhưng dữ liệu đó hoàn toàn không đo lường trực tiếp giá trị hàng hóa nhập khẩu theo chuỗi giá trị gia tăng, hoặc đo lường giá trị gia tăng có được từ nhập khẩu. Hầu hết các nghiên cứu thực nghiệm đo lường giá trị gia tăng dựa trên bảng I- O, được công bố sẵn từ cơ quan thống kê. WIOD (World Input- Output Database) cung cấp số liệu cho 70 nước trong giai đoạn 1995- 2011. OECD và WTO công bố số liệu cho 56 quốc gia tới năm 2009.

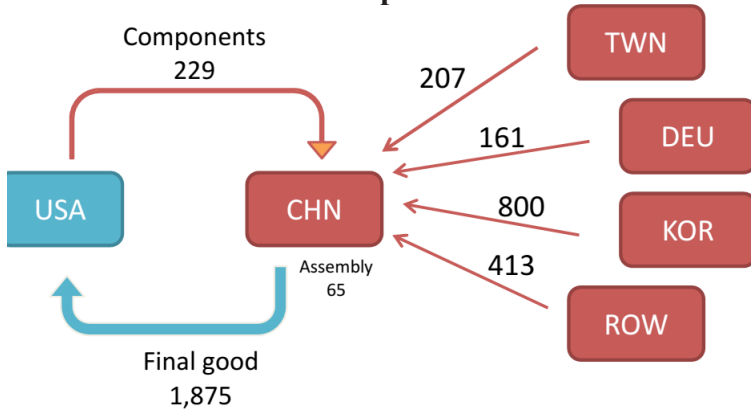
Liên quan tới cách tính thâm hụt thương mại, từ sơ đồ 2: Giả sử Mỹ cung cấp đầu vào sản xuất Iphone cho Trung Quốc với giá trị 229 USD. Trung Quốc và các nước tham gia chuỗi giá trị sản xuất Iphone theo giá trị đóng góp: Đài Loan 207 USD, Đức 161 USD, Hàn Quốc 800 USD, Rumani 413 USD, Trung Quốc lắp ráp gia tăng giá trị 65 USD. Sau đó, Trung Quốc xuất khẩu thành phẩm trị giá 1.875 USD về Mỹ. Vấn đề đặt ra là các nước sẽ tính toán thâm hụt thương mại như thế nào theo sự đóng góp của mỗi quốc gia trong GVCs? Ta sẽ thấy sự khác biệt nếu tính thâm hụt thương mại theo phương pháp truyền thống và thâm hụt thương mại căn cứ theo sự đóng góp của mỗi quốc gia vào GVCs (Bảng 2). Rõ ràng tổng thâm hụt thương mại của Mỹ với các nước đối tác không đổi, nhưng xác định thâm hụt thương mại của Mỹ với từng nước theo quan điểm nào, quan điểm truyền thống hay quan điểm đóng góp của từng nước trong GVCs, từ đó sẽ có việc hoạch định chính sách thương mại tương ứng.

*Thứ tư*, vấn đề điều hành tỷ giá hỗ trợ thương mại quốc tế. Theo quan điểm truyền thống, với cách tính thâm hụt thương mại như Bảng 2, để cải thiện thâm hụt thương mại, Mỹ và Trung Quốc cần điều chỉnh tỷ giá song phương giữa

<sup>2</sup> Cơ chế dẫn truyền khủng hoảng tài chính sẽ diễn ra trong khu vực tài chính, khuếch đại và lây nhiễm sang tất cả các định chế tài chính yếu kém ở các quốc gia.



**Sơ đồ 2. Đóng góp của các quốc gia trong GVCs sản xuất Iphone**



**Bảng 2. Cách tính thâm hụt thương mại (TB) theo GVCs**

Đơn vị: USD

TB của Mỹ với các nước	CHN	TWN	DEU	KOR	ROW	World
Theo quan điểm truyền thống	-1.646	0	0	0	0	-1.646
Theo quan điểm GVCs	-65	-207	-161	-800	-413	-1.646

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên dữ liệu từ Sơ đồ 2

hai nước. Nhưng nếu tính thâm hụt thương mại dưới góc nhìn của chuỗi giá trị toàn cầu thì tỷ giá sẽ được tính toán theo công thức nào, và điều chỉnh theo chiều hướng nào? Quan điểm về nội tệ giảm giá có làm xấu đi sức cạnh tranh thương mại quốc tế của nước đối tác không? Quay trở lại ví dụ ở Sơ đồ 2, giả định Trung Quốc là nước sản xuất iPhone, và Trung Quốc phải cạnh tranh với các nhà cung cấp smart phones khác. Trên thực tế, Trung Quốc là địa điểm cuối cùng lắp ráp linh kiện cho iPhone, tức là giá trị gia tăng của iPhone ở Trung Quốc đơn thuần là công đoạn lắp ghép, còn các thiết bị khác trong chuỗi giá trị được sản xuất từ nhiều quốc gia khác nhau. Chỉ cần một quốc gia trong chuỗi giá trị giảm giá nội tệ, sẽ khiến cho giá đầu vào sản xuất ở quốc gia tiếp theo sẽ giảm đi, và cuối cùng sẽ làm giảm giá iPhone ở Trung Quốc. Cơ chế truyền tải này hoàn toàn khác biệt về lý thuyết truyền thống là nội tệ giảm giá ở nước đối tác hàm ý giảm sức cạnh tranh của Trung Quốc. Lý luận mới cũng đòi hỏi phải xây dựng tỷ giá thực sao cho giá trị gia tăng của Trung Quốc sẽ phản ứng với sự thay

đổi giá đầu vào từ các nước tham gia chuỗi giá trị.

Thứ năm, một khía cạnh của vấn đề cũng nên được nêu ra, đó là việc phụ thuộc vào các công ty đa quốc gia sẽ khiến một số nước dễ rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Các quốc gia cũng nên độc lập tìm kiếm lợi thế của chính mình để hình thành nên các trung tâm công nghiệp.

**4. Kết luận**

Chuỗi giá trị toàn cầu đang được coi là một nhân tố cách mạng, tái cấu trúc toàn bộ hoạt động sản xuất toàn cầu, từ mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị gia tăng, chuỗi cung ứng, hoạt động thuê ngoài và hình thành các trung tâm công nghiệp... trên quy mô hội nhập cả chiều rộng và chiều sâu, từ các nước đang phát triển tới các nước phát triển. Nhân tố mới xuất hiện mang lại cả cơ hội, thách thức cho tất cả các nước tham gia, đòi hỏi sự vận

động theo hướng phát triển của các nước, tạo dựng lợi thế thương mại cho chính mình. Trong xu thế đó, các quốc gia cũng nhận thấy những gì là bất lợi, và việc hoạch định chính sách có nghĩa vụ giảm thiểu bất lợi, sẽ trở thành điểm mạnh để các quốc gia tìm cho mình một chỗ đứng trong chuỗi giá trị toàn cầu. ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Armington, Paul, S., (1969), "A Theory of Demand for Products Distinguished by Place of Production", IMF Staff papers, Vol. 6, pp. 159 – 178.
2. Baldwin, R.E. and Lopez - Gonzalez, J. (2013), "Supply Chain Trade: a Portrait of Global Patterns and Several Testable Hypothesis", London: Centre for Economic Policy Research (CEPR), CEPR Discussion Paper No. 9421.
3. Bayoumi, Tamim, Jaewoo Lee, and Sarma Jayanthi, (2005), "New Rates from New Weights", IMF Working Paper 05/99
4. Daudin, G., Riffart, C. and Schweisguth, D. (2009), "Who produces for Whom in the World economy", Paris: Obseatoire Francais de Conjonctures Economicques



(OFCE), Documents de Travail de L'OFCE No. 2009 - 18.

5. Escaith, H. (2008), "Measuring Trade in Value Added in the New Industrial Economy: Statistical Implications", Munich: Munich Personal RePEc Archive, MPRA Paper No. 14454.

6. Fukunari Kimura (2013), "How have production networks changed development strategies in East Asia?", WTO 2013

7. Hummels, D.L., Ishii, J. and Yi, K. - M (2001), "The Nature and Growth of Vertical Specialization in international Trade, Journal of International Economics 54(1): 75 - 96.

8. Johnson, R.C. and Noguera, G. (2012), "Accounting for Intermediates: Production Sharing and Trade in Value Added", Journal of International Economics 86 (2): 224 - 236.

9. Jones, R. W.; Kierzkowski, H. 1990. "The Role of Services in Production and International Trade: A theoretical framework" in R.W. Jones and A. O. Krueger (eds): The Political Economy of International Trade: International Trade: Essays in Honor of Robert E. Baldwin (Oxford, UK, Basil Blackwell).

10. Koopman, R., Powers, W., Wang, Z. and Wei, S - J (2010), "Give Credit Where Credit is Due: Tracing Value Added in Global Production Chains", Cambridge MA: National Bureau of Economic Research (NBER), Working Paper No. 16426.

11. McGuirk, Anne K., (1987), "Measuring Price

Competitiveness for Industrial Country Trade in Manufacturers", IMF Working Paper 87/34.

12. Organisation for Economic Co - operation and Development (OECD) and World Trade Organization (WTO) (2013b) Aid for Trade in Action, Paris, Geneva: OECD, WTO.

13. Organisation for Economic Co - operation and Development (OECD) (2013), Interconnected Economies: Benefiting from Global Value Chains,

14. Conference on Trade and Development (UNCTAD) (2013), Implications of Global Value Chains for Trade, Investment, Development and Jobs, Report prepared for the G20 Leaders Summit, Saint Petersburg, September 2013.

15. Zanello, Alessandro and Dominique Desruelle, (1997), "A Primer on the IMF's Information Notice System", IMF Working Paper 97/71.

## SUMMARY

### Global value chains: Opportunities and challenges for development

Fragmentation of global production, resulting from the rise of technological innovations in communication and transportation, creates global value chains (GVCs), a dominant feature of World trade, encompassing groups of developing, emerging, and advanced economies. This paper will: (i) firstly, review the nature, and scope of global value chains; (ii) then, elaborate the precious opportunities can be offered for less- developed and emerging countries into the World economy, albeit at unparalleled paces; (iii) finally, consider obstacles that are exposed on participations and policies, designed in correlation with rapid change in global value chains landscape.

## THÔNG TIN TÁC GIẢ

**Đinh Thị Thanh Long**, Thạc sỹ

Đơn vị công tác: Khoa Kinh doanh quốc tế, Học viện Ngân hàng.

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính quốc tế, tỷ giá, chu chuyển vốn quốc tế, giao dịch thương mại quốc tế  
Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Khoa học và Đào tạo ngân hàng, Tạp chí Tài chính

Email: longdtt@hvn.edu.vn